

Số: **3478** /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **10** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính
nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 24/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 968/TTr-SNV ngày 02/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì triển khai, theo dõi, đôn đốc thực hiện Chương trình ban hành kèm theo Quyết định này và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả cho UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Thư*

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Như Điều 3;
- Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (D 10).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

CHƯƠNG TRÌNH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **3478/QĐ-UBND** ngày **10/12/2021**
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

I. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đến năm 2025, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh (PAR Index) nằm trong nhóm 20 tỉnh dẫn đầu.

II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính (TTHC); Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm CCHC 10 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu:

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo phù hợp với các quy định của Trung ương, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có tính khả thi cao trong tổ chức thực hiện. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhất là ban hành văn bản quy định chi tiết và chính sách đặc thù tại địa phương; tăng cường công tác kiểm tra,

rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đẩy nhanh tiến độ tham mưu xử lý kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện tốt công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; triển khai các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân.

- Đến năm 2025:

+ Cơ bản hoàn thiện hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

+ Tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

+ Triển khai, cụ thể hoá các thể chế, pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

- Đến năm 2030: Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật theo thẩm quyền, chú trọng ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ và các văn bản pháp luật nhằm tăng cường công tác quản lý, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội của Nhân dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Các cấp, các ngành chủ động, kịp thời tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QPPL về chế độ, chính sách thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các văn bản QPPL phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, thể thức và kỹ thuật trình bày, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật.

+ Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật có trọng tâm, trọng điểm, nhất là những lĩnh vực phức tạp và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm trên địa bàn tỉnh.

+ Tăng cường công tác kiểm tra việc thực thi pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật; thường xuyên bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nâng cao năng lực của đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật.

2. Cải cách TTHC

a) Mục tiêu:

Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Năm 2022, hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực tương ứng 50% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh và 40% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; giai đoạn 2023 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Trong số đó, ít nhất 80% dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công của

tính được tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Đến năm 2030:

+ 100% TTHC, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ Tối thiểu 90% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ:

- Kiểm soát chặt chẽ TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới công bố phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

- Rà soát, đơn giản hóa TTHC

+ Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị bãi bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức.

+ Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai có nội dung thông tin trùng lặp trong quy trình giải quyết một TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông.

+ Kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định, điều kiện không cần thiết, không hợp lý, đảm

bảo thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

+ Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu TTHC từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 7201/KH-UBND ngày 02/8/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng phân cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp, phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc CCHC của tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu:

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đến năm 2025:

+ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

+ Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, buôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

+ Giảm tối thiểu bình quân cả tỉnh 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian.

+ Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ:

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện.

+ Rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phù hợp ở địa phương.

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước.

+ Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức đảm nhận nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm.

+ Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

+ Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

+ Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định pháp luật.

+ Thực hiện sắp xếp, sát nhập thôn, buôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sát nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành,

lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

+ Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

+ Nghiên cứu, ban hành các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý tại địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa các cấp ở địa phương.

+ Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu:

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đến năm 2025: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030:

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý đảm bảo sự chuyển giao thế hệ một cách vững vàng; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương; trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

+ 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm tỷ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Tiếp tục mở rộng và triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý sở, phòng và tương đương.

- Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

- Hoàn thiện quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không cần thiết.

- Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu:

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Đến năm 2025:

+ Tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư khi Trung ương hoàn thiện hệ thống pháp luật, khung pháp lý về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính...

- Đến năm 2030:

+ Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

+ Đảm bảo 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách được giải quyết đúng quy định.

b) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục đổi mới hoạt động điều hành thu, chi ngân sách, phương án huy động các nguồn lực cho ngân sách, đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/5/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Tiếp tục tham mưu hoặc kiến nghị đổi mới thể chế về doanh nghiệp Nhà nước, xác định rõ vai trò quản lý của Nhà nước với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; tập trung thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo lộ trình của Chính phủ phê duyệt.

- Thực hiện tốt lộ trình xóa bỏ dần bao cấp qua giá, phí dịch vụ công, tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện hạch toán đầy đủ

chi phí đầu vào, đầu ra theo quy định của Nhà nước.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công.
- Tham mưu ban hành Nghị quyết định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương từ năm 2022.
- Tham mưu UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành.
- Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, giảm dần các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.
- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Mục tiêu:

Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Đến năm 2025:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Trong số đó, ít nhất 80% dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh được tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Từ 90% trở lên hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% trở lên hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% trở lên hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Rà soát, tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết TTHC để nâng cao kết quả giải quyết TTHC trên môi trường mạng; đảm bảo 100% TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 được tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai đảm bảo mang lại hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

- Đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh được tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 90% người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

b) Nhiệm vụ:

- Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia được triển khai từ Trung ương đến địa phương, kết nối chia sẻ, chuẩn hóa dữ liệu với các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Đầu tư hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh nhằm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên triển khai hệ thống thông tin dùng chung.

- Phát triển các hệ thống kho dữ liệu dùng chung nhằm quản lý các thông tin, dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoàn thiện tích hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Đầu tư hệ thống giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk với dịch vụ, tiện ích như: giám sát điều hành giao thông và an ninh trật tự; giám sát thông tin trên môi trường mạng; giám sát an toàn thông tin; y tế, du lịch, giáo dục thông minh; quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, cảnh báo môi trường và hệ thống dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện CCHC từ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực tham mưu các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC trong Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh (Chương trình). Có cơ chế phối hợp, thống nhất, phân công trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC để bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong CCHC.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp nhận thức đúng, đầy đủ và đồng thuận cao, từ đó chấp hành và thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về CCHC.

- Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Đẩy mạnh các giải pháp phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và cung ứng dịch vụ công, thông qua việc khảo sát lấy ý kiến, góp ý và sự hài lòng của người dân về tinh thần, trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC.

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC.

Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp UBND các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC trong lĩnh vực tài chính công của địa phương.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

Triển khai thực hiện tốt chế độ chính sách tiền lương mới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt việc đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc theo quy định của Chính phủ, của tỉnh; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, Chỉ số CCHC của sở, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã phù hợp với yêu cầu chung theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xếp hạng CCHC hàng năm của các cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

- Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách tỉnh để triển khai Chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm

a) Xây dựng kế hoạch CCHC để triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm đúng lộ trình cải cách của tỉnh. Căn cứ điều kiện cụ thể, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 để tổ chức thực hiện.

b) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) tình hình thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC, kiểm soát TTHC theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách công chức, công vụ và tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi toàn tỉnh.

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành và kiểm tra việc thực hiện CCHC.

d) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch CCHC hàng năm; báo cáo định kỳ công tác CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình.

đ) Thẩm định các đề án CCHC do các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh.

e) Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

g) Xây dựng, triển khai thực hiện theo dõi, đánh giá xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

h) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

i) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC ở các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và đảm bảo cơ chế, chính sách thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC.

k) Chủ trì triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC. Hàng năm, xây dựng, triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC.

l) Đến năm 2025 tiến hành sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

3. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

c) Chủ trì, tham mưu tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

d) Chủ trì tham mưu vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì triển khai nội dung về cải cách TTHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và theo khả năng ngân sách.

b) Chủ trì tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

c) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công. Phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách khuyến khích xã hội hoá trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường ... theo quy định của Trung ương. Rà soát, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai cơ chế tự chủ tài chính đối với 100% đơn vị sự nghiệp trên địa bàn theo tinh thần tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP Chính phủ.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt Kế hoạch số 10610/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ và Chương trình số 18-CTr/TU ngày 04/10/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì triển khai nội dung phát triển Chính quyền số.

b) Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công của tỉnh; Trục liên thông văn bản quốc gia.

d) Chủ trì đơn đốc các sở, ban, ngành, địa phương trong việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số.

8. Sở Y tế

a) Chủ trì rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo quy định của Bộ Y tế.

c) Chủ trì triển khai chính sách đổi mới về bảo hiểm y tế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì triển khai thực hiện tốt nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục công. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chủ trì triển khai việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì triển khai nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì triển khai các chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có

công; phối hợp với Sở Nội vụ triển khai chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

12. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính triển khai chính sách xã hội hoá trong các hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch.

13. Công an tỉnh

a) Chủ trì triển khai, vận hành, khai thác và cập nhật có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Chủ trì quản lý xác thực và định danh điện tử qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua Hệ thống do Bộ Công an xây dựng.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Đắk Lắk; Cổng Thông tin điện tử của tỉnh

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền Chương trình và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC phù hợp với thực tế và đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của người dân, doanh nghiệp. /.

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3478** /QĐ-UBND
ngày **10** /12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên đề án/dự án	Cơ quan chủ trì	Thời gian bắt đầu thực hiện - Thời gian hoàn thành (năm)
1	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống quản lý tài liệu điện tử tỉnh Đắk Lắk	Sở Nội vụ	2021-2025
2	Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh còn hiệu lực giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	2021-2025
3	Nâng cấp phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính sở, ngành, địa phương.	Sở Nội vụ	2021-2025
4	Đề án cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	2021-2025
5	Xây dựng và triển khai ứng dụng phần mềm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	2023-2025
6	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (triển khai các nội dung của Đề án 468 được ban hành tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh)	Văn phòng UBND tỉnh	2021-2025

STT	Tên đề án/dự án	Cơ quan chủ trì	Thời gian bắt đầu thực hiện - Thời gian hoàn thành (năm)
7	Xây dựng (hoặc thuê), triển khai Hệ thống đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính (triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh, từ cấp tỉnh đến cấp xã)	Văn phòng UBND tỉnh	2022-2024
8	Xây dựng (hoặc thuê), triển khai Hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	2022
9	Các hệ thống thông tin được kết nối liên thông từ Trung ương đến địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2023
10	Hệ thống kho dữ liệu dùng chung	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2023
11	Các hệ thống được kết nối liên thông, chia sẻ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025
12	Các dịch vụ giám sát, điều hành	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025
13	Hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một Cửa điện tử liên thông của tỉnh được triển khai sử dụng trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025

